

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	5 – 40
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 40

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện) tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 8 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100520683 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Nhật	Phó Chủ tịch	
Ông Phan Anh Sơn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018
Bà Trương Thị Thu Hiền	Ủy viên	

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Minh Nhật	Tổng Giám đốc
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Thịnh Thị Thanh Huyền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

TM. Ban Lãnh đạo

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn

Số: 252./2018/BCSX-AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C được lập ngày 13 tháng 8 năm 2018, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Alphanam E&C chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Phạm Văn Cường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2922-2016-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-028) 3910 4881 * Fax: (84-028) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4 Branch in Hanoi

Glosbe 07 TT2/96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 * Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		431.242.939.313	445.483.100.267
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	3.559.654.042	22.073.139.576
1.	Tiền	111		2.523.102.042	20.965.587.576
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.036.552.000	1.107.552.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		328.643.513.729	322.778.199.294
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	186.150.930.773	164.028.153.638
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	150.623.618.436	165.221.484.239
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.576.352.271	3.235.949.168
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(9.707.387.751)	(9.707.387.751)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	98.030.997.041	97.789.533.294
1.	Hàng tồn kho	141		98.030.997.041	97.789.533.294
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.008.774.501	2.842.228.103
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	243.649.106	176.335.438
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		765.125.395	2.665.892.665
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.398.438.541	85.368.160.765
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		8.246.595.822	9.067.868.765
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	8.223.608.606	9.037.885.435
	- Nguyên giá	222		21.129.498.984	20.631.247.166
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.905.890.378)	(11.593.361.731)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	22.987.216	29.983.330
	- Nguyên giá	228		215.980.000	215.980.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(192.992.784)	(185.996.670)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		73.151.842.719	76.300.292.000
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	73.151.842.719	76.300.292.000
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		512.641.377.854	530.851.261.032

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		363.434.760.820	382.485.402.926
I.	Nợ ngắn hạn	310		357.409.794.665	376.026.627.753
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	78.268.238.801	157.635.468.671
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	78.589.123.092	61.622.456.531
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	872.778.593	8.750.035.004
4.	Phải trả người lao động	314		2.406.619.345	1.135.874.813
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	260.630.224	280.871.198
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	996.010.112	619.770.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	48.486.660.573	7.741.729.527
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	147.529.733.925	138.240.422.009
II.	Nợ dài hạn	330		6.024.966.155	6.458.775.173
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.11	-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	4.595.217.394	4.595.217.394
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	1.429.748.761	1.863.557.779
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		149.206.617.034	148.365.858.106
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	149.206.617.034	148.365.858.106
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.365.750.124	27.524.991.196
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		27.524.991.196	15.467.912.386
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		840.758.928	12.057.078.810
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		512.641.377.854	530.851.261.032

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Tuấn Trang



Trương Thị Thu Hiền



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	256.380.593.208	463.121.868.418
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	58.690.911
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		256.380.593.208	463.063.177.507
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	239.335.577.336	451.077.508.510
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.045.015.872	11.985.668.997
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	110.673.358	117.462.872
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	7.800.627.691	2.385.386.514
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.800.627.691</i>	<i>2.187.446.312</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	562.990.194	1.743.997.268
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	7.604.711.322	6.733.529.396
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.187.360.023	1.240.218.691
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	98.232.126	307.731.425
12.	Chi phí khác	32	VI.07	168.471.292	30.856.273
13.	Lợi nhuận khác	40		(70.239.166)	276.875.152
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.117.120.857	1.517.093.843
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	276.361.929	343.354.692
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		840.758.928	1.173.739.151
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	70	98
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	70	98

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Tuấn Trang

Trương Thị Thu Hiền

Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		1.117.120.857	1.517.093.843
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.319.524.761	1.097.448.710
-	Các khoản dự phòng	03		-	3.246.238.732
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(110.673.358)	(135.644.690)
-	Chi phí lãi vay	06		7.800.627.691	2.187.446.312
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		10.126.599.951	7.912.582.907
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.964.547.165)	(58.074.118.582)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(241.463.747)	(38.616.275.815)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(25.022.057.032)	99.159.378.784
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.081.135.613	(3.153.564.105)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(7.820.868.665)	(1.950.871.510)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.140.208.927)	(432.575.111)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(26.981.409.972)	4.844.556.568
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(498.251.818)	(285.626.364)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	18.181.818
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		110.673.358	117.462.872
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(387.578.460)	(149.981.674)

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

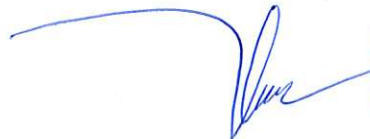
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		160.486.962.975	43.908.744.407
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(151.631.460.077)	(46.608.705.820)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.855.502.898	(2.699.961.413)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(18.513.485.534)	1.994.613.481
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.073.139.576	3.317.784.431
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.559.654.042	5.312.397.912

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Nguyễn Tuấn Trang

Trương Thị Thu Hiền

Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Bán buôn tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính/kế toán	03 - 05 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã

hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu kinh doanh bất động sản của Công ty là doanh thu cho thuê Bất động sản đầu tư được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định đáng tin cậy. Trường hợp cho thuê bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê. Việc ghi nhận doanh thu kinh doanh bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cho thuê bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch cho thuê bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí tài chính trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	84.116.206	76.901.163
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.438.985.836	20.888.686.413
- Các khoản tương đương tiền (*)	1.036.552.000	1.107.552.000
Cộng	<u>3.559.654.042</u>	<u>22.073.139.576</u>

(*): Tại ngày 30/6/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại là Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP An Bình với lãi suất từ 4%/năm đến 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	186.150.930.773	164.028.153.638
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	37.871.207.116	96.802.258.352
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	30.949.311.514
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	20.686.603.710	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	36.839.195.648	5.616.435.873
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	59.626.674.882	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	31.127.249.417	30.660.147.899
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	186.150.930.773	164.028.153.638

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	59.306.138.130	37.651.934.328
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinacon	128.881.389	128.881.389
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	1.196.992.156	238.485.677
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	30.949.311.514
- Công ty Bất động sản Hoa Anh Đào	-	25.144.894
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	36.839.195.648	5.616.435.873
- CN Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Miền Trung	359.797.592	55.000.000
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	-	638.674.981
- CN Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam Đà Nẵng	15.000.000	-
- CN Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại Định Công Hà Nội	79.667.635	-
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	20.686.603.710	-
Cộng	59.306.138.130	37.651.934.328

03. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	150.623.618.436	165.221.484.239
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	13.472.487.209	10.211.602.925
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	31.306.876.231	61.050.503.914
- Công ty Cổ phần kỹ thuật SIGMA	103.321.200.341	91.217.480.652
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.523.054.655	2.741.896.748
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	150.623.618.436	165.221.484.239

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	31.306.876.231	61.050.503.914
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	31.306.876.231	61.050.503.914
Cộng	31.306.876.231	61.050.503.914

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.576.352.271	-	3.235.949.168	-
- Tạm ứng	393.663.943	-	120.933.356	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	222.196.972	-	2.154.336.398	-
- Phải thu khác	960.491.356	-	960.679.414	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.576.352.271	-	3.235.949.168	-

05. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty TNHH Xây dựng Cao Bang - Đài Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng hệ thống cấp nước Sông Đà - Vinaconex	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-
- Công ty Cổ phần giấy An Hoà	3.860.247.676	1.158.074.303	3.860.247.676	1.158.074.303
- Các khách hàng khác	5.478.301.801	895.970.890	5.478.301.801	895.970.890
Cộng	11.761.432.944	2.054.045.193	11.761.432.944	2.054.045.193

06. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	77.717.032.189	-	68.100.532.901	-
- Thành phẩm	15.268.182	-	15.268.182	-
- Hàng hoá	20.298.696.670	-	29.673.732.211	-
Cộng	98.030.997.041	-	97.789.533.294	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	3.574.798.775	14.503.914.107	1.474.025.244	20.631.247.166
- Mua trong kỳ	-	-	-	498.251.818	498.251.818
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.078.509.040	3.574.798.775	14.503.914.107	1.972.277.062	21.129.498.984
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	1.285.186.642	8.558.209.635	671.456.414	11.593.361.731
- Khấu hao trong kỳ	-	213.509.100	839.478.366	259.541.181	1.312.528.647
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.078.509.040	1.498.695.742	9.397.688.001	930.997.595	12.905.890.378
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	-	2.289.612.133	5.945.704.472	802.568.830	9.037.885.435
2. Tại ngày cuối kỳ	-	2.076.103.033	5.106.226.106	1.041.279.467	8.223.608.606

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 3.212.900.241 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt là: 5.716.691.064 đồng và 4.598.680.371 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>215.980.000</i>	<i>215.980.000</i>
- Mua trong kỳ	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>215.980.000</i>	<i>215.980.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>185.996.670</i>	<i>185.996.670</i>
- Khấu hao trong kỳ	6.996.114	6.996.114
- Tăng khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>192.992.784</i>	<i>192.992.784</i>
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>29.983.330</i>	<i>29.983.330</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>22.987.216</i>	<i>22.987.216</i>

09. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	243.649.106	176.335.438
- Chi phí bảo hiểm	47.391.273	78.994.699
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	69.693.401	1.157.728
- Các khoản khác	126.564.432	96.183.011
b. Dài hạn	73.151.842.719	76.300.292.000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	954.482.180	744.335.698
- Chi phí sửa chữa tại số 2 Đại Cồ Việt	187.936.037	1.314.997.499
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower ^(a)	43.524.242.500	44.006.060.674
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower ^(b)	21.351.515.174	21.587.878.808
- Chi phí sửa chữa văn phòng 47 Vũ Trọng Phụng (tầng 3, tầng 3B)	1.362.601.418	1.727.867.093
- Chi phí sửa chữa tầng 2 - 47 Vũ Trọng Phụng	2.784.250.118	3.537.804.203
- Thuê văn phòng 96 Định Công ^(c)	2.547.055.204	2.615.504.398
- Các khoản khác	439.760.088	765.843.627
Cộng	73.395.491.825	76.476.627.438

(a) Là chi phí thuê 2.081,7 m² sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.

(b) Là chi phí thuê 1.112,7 m² sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.

(c) Là chi phí thuê 1.782,70 m² toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06/6/2015 đến hết ngày 26/7/2064.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	138.240.422.009	138.240.422.009	160.920.771.993	151.631.460.077	147.529.733.925	147.529.733.925
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>136.867.679.526</i>	<i>136.867.679.526</i>	<i>160.486.962.975</i>	<i>150.899.684.393</i>	<i>146.454.958.108</i>	<i>146.454.958.108</i>
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội ^(a)	17.172.232.827	17.172.232.827	15.200.000.000	15.200.000.000	17.172.232.827	17.172.232.827
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình ^(b)	119.695.446.699	119.695.446.699	145.286.962.975	135.699.684.393	129.282.725.281	129.282.725.281
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.372.742.483	1.372.742.483	433.809.018	731.775.684	1.074.775.817	1.074.775.817
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam	505.124.447	505.124.447	-	297.966.666	207.157.781	207.157.781
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^(c)	180.118.032	180.118.032	90.059.016	90.059.016	180.118.032	180.118.032
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(d)	687.500.004	687.500.004	343.750.002	343.750.002	687.500.004	687.500.004
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.863.557.779	1.863.557.779	-	433.809.018	1.429.748.761	1.429.748.761
Từ 1 năm đến 5 năm	1.863.557.779	1.863.557.779	-	433.809.018	1.429.748.761	1.429.748.761
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>1.863.557.779</i>	<i>1.863.557.779</i>	-	433.809.018	1.429.748.761	1.429.748.761
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^(c)	660.432.788	660.432.788	-	90.059.016	570.373.772	570.373.772
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(d)	1.203.124.991	1.203.124.991	-	343.750.002	859.374.989	859.374.989
Cộng	140.103.979.788	140.103.979.788	160.920.771.993	152.065.269.095	148.959.482.686	148.959.482.686

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất vay là từ 8,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ 3 (Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam) là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 762287 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2014 cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam, số vào sổ cấp GCN: CT 01003.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 106/2017/HDHM-PN/SHB.111100 ngày 20/9/2017 với hạn mức là 150.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay theo từng khế ước vay nhưng không quá 09 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 9,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 2 phố Đại Cô Việt, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á và quyền đòi nợ từ các đối tác đầu ra của phương án kinh doanh do ngân hàng cấp tín dụng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 801700080465 ngày 31/7/2017 để đầu tư mua xe ô tô TOYOTA Fortuner biến kiểm soát 30E-859.88 với gốc vay là 915.600.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong kỳ là 8,2%/năm (lãi suất vay cố định trong 3 năm đầu). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo Hợp đồng vay số 23/2016/HDTD/TTB MB3/01 ngày 19/9/2016 để mua xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biến kiểm soát 30E-070.61 với gốc vay là 2.750.000.000 VND. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong kỳ là 7,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Phải trả người bán ngắn hạn	78.268.238.801	78.268.238.801	157.635.468.671	157.635.468.671	
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	2.110.768.448	2.110.768.448	-	-	
- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vương Thái Sơn	3.500.557.750	3.500.557.750	13.439.704.564	13.439.704.564	
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	2.057.423.350	2.057.423.350	24.353.530.880	24.353.530.880	
- Công ty TNHH Tư vấn DP	2.773.334.822	2.773.334.822	11.055.968.685	11.055.968.685	
- Công ty TNHH PEO Việt Nam	2.506.131.307	2.506.131.307	3.506.131.307	3.506.131.307	
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Đông Dương	5.110.180.024	5.110.180.024	5.110.180.024	5.110.180.024	
- Công ty Cổ phần Công Nghệ HT&ME Việt Nam	3.421.024.205	3.421.024.205	10.883.116.510	10.883.116.510	
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	2.074.532.158	2.074.532.158	7.156.602.879	7.156.602.879	
- Công ty TNHH Công nghệ Thanh Bình - Hitacom	7.938.029.374	7.938.029.374	-	-	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	46.776.257.363	46.776.257.363	82.130.233.822	82.130.233.822	
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-	
Cộng	78.268.238.801	78.268.238.801	157.635.468.671	157.635.468.671	

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	4.557.793.210	4.557.793.210	36.942.875.601	36.942.875.601
- Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Vinacon	35.951.813	35.951.813	35.951.813	35.951.813
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	11.379.647	11.379.647	3.264.147.345	3.264.147.345
- Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	827.414.050	827.414.050	827.414.050	827.414.050
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	2.074.532.158	2.074.532.158	7.156.602.879	7.156.602.879
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	2.502.500	2.502.500	-	-
- Tổng Công ty Cổ phần Dầu tư và XNK Foodinco	1.110.704.487	1.110.704.487	1.110.704.487	1.110.704.487
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	194.524.147	194.524.147	194.524.147	194.524.147
- CN Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Miền Trung	300.784.408	300.784.408	-	-
Cộng	4.557.793.210	4.557.793.210	36.942.875.601	36.942.875.601

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	78.589.123.092	78.589.123.092	61.622.456.531	61.622.456.531
- Công ty Cổ phần Dầu tư Alphanam	27.290.667.454	27.290.667.454	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	10.554.082.485	10.554.082.485	14.031.021.060	14.031.021.060
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118 - MOMOTA	29.985.836.842	29.985.836.842	39.985.836.842	39.985.836.842
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	10.758.536.311	10.758.536.311	7.605.598.629	7.605.598.629
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Cộng	78.589.123.092	78.589.123.092	61.622.456.531	61.622.456.531

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>c. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	27.290.667.454	27.290.667.454	41.192.939.341	41.192.939.341
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	27.290.667.454	27.290.667.454	-	-
Cộng	27.290.667.454	27.290.667.454	41.192.939.341	41.192.939.341
			1.207.102.499	1.207.102.499
			41.192.939.341	41.192.939.341
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	5.210.344.253	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	276.361.929	3.140.208.927	276.361.929
- Thuế thu nhập cá nhân	-	585.694.800	369.330.884	596.416.664
- Phí, lệ phí và các loại thuế khác	-	5.000.000	24.429.076	-
Cộng	-	867.056.729	8.744.313.140	872.778.593

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

*Đơn vị tính: VND***14. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	260.630.224	280.871.198
- Chi phí lãi vay	260.630.224	280.871.198
b. Dài hạn	-	-
Cộng	260.630.224	280.871.198

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	48.486.660.573	7.741.729.527
- Kinh phí công đoàn	841.541.079	742.374.083
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.645.119.494	6.999.355.444
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	47.150.000.000	6.500.000.000
+ Ông Lâm Sơn Tùng	370.315.025	370.315.025
+ Các đối tượng khác	124.804.469	129.040.419
b. Dài hạn	4.595.217.394	4.595.217.394
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.595.217.394	4.595.217.394
Cộng	53.081.877.967	12.336.946.921

16. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	996.010.112	619.770.000
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	971.050.112	596.240.000
- Doanh thu nhận trước phí quản lý	24.960.000	23.530.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	996.010.112	619.770.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	840.866.910	15.467.912.386	136.308.779.296
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	12.057.078.810	12.057.078.810
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	840.866.910	27.524.991.196	148.365.858.106
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	840.866.910	27.524.991.196	148.365.858.106
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	840.758.928	840.758.928
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	120.000.000.000	840.866.910	28.365.750.124	149.206.617.034

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	72.001.000.000	60	72.001.000.000	60
Các đối tượng khác	47.999.000.000	40	47.999.000.000	40
Cộng	120.000.000.000	100	120.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	171,01	171,01
- EUR	215,71	215,71

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm Kinh doanh Địa ốc và Đầu tư phát triển công nghệ 579	5.319.868.330	5.319.868.330
Công ty Cổ phần Xây lắp Coma 25	1.284.246.975	1.284.246.975
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	15.418.000	15.418.000
Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	850.800.000
Cộng	<u>7.470.333.305</u>	<u>7.470.333.305</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>
Doanh thu bán hàng	171.764.418.482	78.075.892.289
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.560.510.513	3.631.732.838
Doanh thu kinh doanh bất động sản	8.783.813.985	7.800.807.882
Doanh thu hợp đồng xây dựng	41.271.850.228	373.613.435.409
Cộng	<u>256.380.593.208</u>	<u>463.121.868.418</u>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>
- Hàng bán bị trả lại	-	58.690.911
Cộng	<u>-</u>	<u>58.690.911</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	171.590.562.471	76.076.325.796
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.290.175.122	3.578.196.103
- Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	6.173.500.170	365.775.969.979
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	36.281.339.573	5.647.016.632
Cộng	239.335.577.336	451.077.508.510

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	110.673.358	117.462.872
Cộng	110.673.358	117.462.872

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
- Lãi tiền vay	7.800.627.691	2.187.446.312
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	197.940.202
Cộng	7.800.627.691	2.385.386.514

06. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	18.181.818
- Tiền phạt thu được	72.600.000	-
- Các khoản khác	25.632.126	289.549.607
Cộng	98.232.126	307.731.425

07. Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
- Phạt chậm nộp thuế	92.804.739	-
- Phạt vi phạm hành chính	2.462.950	-
- Phạt chậm nộp và truy thu bảo hiểm	600.000	-
- Các khoản phạt khác	72.600.000	30.856.273
- Các khoản khác	3.603	-
Cộng	168.471.292	30.856.273

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	7.604.711.322	6.733.529.396
- Chi phí nhân viên quản lý	3.358.204.767	832.579.206
- Chi phí đồ dùng văn phòng	409.983.966	211.505.409
- Chi phí khấu hao TSCĐ	417.342.680	356.951.538
- Thuế, phí và lệ phí	31.847.905	-
- Chi phí dự phòng	-	3.048.298.530
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.430.643.528	1.817.442.014
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.956.688.476	466.752.699
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	562.990.194	1.743.997.268
- Chi phí nhân viên	427.201.414	613.922.601
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.534.455	637.201.786
- Chi phí khác bằng tiền	66.254.325	492.872.881
Cộng	8.167.701.516	8.477.526.664

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	276.361.929	343.354.692
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	276.361.929	343.354.692

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.117.120.857	1.517.093.843
Các khoản điều chỉnh tăng	264.688.789	199.679.617
- Chi phí khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ	168.821.100	168.823.344
- Chi phí phạt chậm nộp thuế và bảo hiểm	95.867.689	30.856.273
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.381.809.646	1.716.773.460
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	276.361.929	343.354.692

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	840.758.928	1.173.739.151
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	840.758.928	1.173.739.151
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	98

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	840.758.928	1.173.739.151
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	840.758.928	1.173.739.151
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	98

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.334.395.118	189.999.382.823
- Chi phí nhân công	18.706.802.715	6.923.576.153
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.319.524.761	1.097.448.710
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.111.208.478	219.536.014.170
- Chi phí khác bằng tiền	6.057.284.597	1.264.005.216
Cộng	85.529.215.669	418.820.427.072

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>
Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị		
+ Tạm ứng	-	28.121.000
+ Hoàn ứng	-	38.625.340
Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
+ Vay tiền (không tính lãi)	55.900.000.000	14.400.000.000
+ Trả tiền vay (không tính lãi)	15.250.000.000	16.588.995.627

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị		
+ Tạm ứng	470.166	470.166
Cộng nợ phải thu	<u>470.166</u>	<u>470.166</u>
Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị		
+ Phải trả ngắn hạn khác	-	2.435.950
Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
+ Phải trả ngắn hạn khác	47.150.000.000	6.500.000.000
Ông Lâm Sơn Tùng – Phó Tổng Giám đốc		
+ Phải trả ngắn hạn khác	370.315.025	370.315.025
Cộng nợ phải trả	<u>370.315.025</u>	<u>372.750.975</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	506.097.436	338.125.455
Cộng	<u>506.097.436</u>	<u>338.125.455</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinacon	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Alphanam	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
Mua hàng	89.965.791.263	46.119.981.691
Mua đồng phục	-	47.237.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	32.531.655.483	92.228.887.360
Doanh thu cung cấp dịch vụ	416.156.461	71.160.747
Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec		
Mua dịch vụ bảo trì thang máy	16.281.818	39.281.818
Mua thép	9.165.042.129	462.183.160
Doanh thu cung cấp dịch vụ	213.891.898	221.111.647
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	767.873.208	799.958.418
Bán hàng	18.921.777.531	-
Bán rượu	21.120.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam		
Cho thuê xe	63.636.364	-
Bán rượu	327.088.720	-
Sử dụng dịch vụ	322.885.902	83.774.995
Doanh thu bán hàng hóa	182.896.287	7.472.899.859
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.252.364.208	745.195.256
Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.739.662.965	198.845.930.249
Hàng bán bị trả lại	-	58.704.243
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	86.533.950	60.573.765

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	515.567.505	397.710.086
Doanh thu cho thuê sàn văn phòng	970.037.394	970.037.394
Mua son	89.440.000	8.301.471
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.308.456	28.923.553
Doanh thu kinh doanh bất động sản	112.947.654	103.057.711
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung		
Mua hàng hóa	21.181.036.114	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02, V.03, V.11, V.12, không còn các công nợ nào khác với các bên liên quan.

03. Thuê hoạt động**Các hợp đồng đi thuê**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang đã được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	748.449.999	3.626.559.849
Trên 1 năm đến 5 năm	-	12.366.049.244
Trên 5 năm	-	26.794.690.530
Cộng	748.449.999	42.787.299.623

Đơn vị tính: VND

- Công ty thuê toàn bộ tòa nhà địa chỉ số 2 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 và đã gia hạn thêm đến ngày 31 tháng 7 năm 2018 theo Phụ lục số 02 ngày 05 tháng 01 năm 2015. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.
- Công ty thuê toàn bộ sàn tầng 02, tầng lửng (tầng 3B) và sàn tầng 3 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Tổng chi phí thuê là 71.818.181.818 đồng và không có điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	6.992.080.271	15.347.818.973
Trên 1 năm đến 5 năm	23.432.724.182	31.654.122.658
Trên 5 năm	1.266.375.803	1.010.114.119
Cộng	31.691.180.257	48.012.055.750

- Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà tại địa chỉ số 02 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 tháng 8 năm 2012 đến 01 tháng 8 năm 2018 và có khả năng được gia hạn thêm.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 3 và tầng lửng (tầng 3B) tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

ngày 01 tháng 9 năm 2013 và một phần cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2015.

- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 1 tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội trong thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2018.

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Miền Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	181.217.862.174	42.614.711.915	32.548.019.119	256.380.593.208
- Chi phí trực tiếp	169.110.108.541	39.767.484.678	30.457.984.117	239.335.577.336
- Chi phí phân bổ	11.208.689.613	2.635.805.726	2.013.160.510	15.857.655.849
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	899.064.020	211.421.511	76.874.492	1.187.360.023
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.644.529.028	31.818.182	-	2.676.347.210
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.256.941.620	242.624.855	1.787.120	5.501.353.595
Số dư tại ngày 30/6/2018				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	238.042.837.325	55.977.522.383	42.754.189.501	336.774.549.209
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	121.792.127.197	28.640.313.663	21.874.733.743	172.307.174.603
- Tài sản không phân bổ				3.559.654.042
Tổng tài sản	359.834.964.522	84.617.836.046	64.628.923.244	512.641.377.854
- Nợ phải trả trực tiếp bộ phận	217.073.406.623	51.046.406.666	38.987.930.352	307.107.743.641
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	39.813.706.287	9.362.485.593	7.150.825.299	56.327.017.179
- Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	256.887.112.910	60.408.892.259	46.138.755.651	363.434.760.820

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	143.267.989.637	307.657.943.391	12.137.244.479	463.063.177.507
- Chi phí trực tiếp	137.310.380.207	302.446.702.695	11.320.425.608	451.077.508.510
- Chi phí phân bổ	5.324.555.132	5.139.248.600	281.646.574	10.745.450.306
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	633.054.298	71.992.096	535.172.297	1.240.218.691
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	7.542.014.541	-	-	7.542.014.541
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.969.369.209	4.229.082.032	166.839.192	6.365.290.433
Số dư tại ngày 30/6/2017				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	118.161.690.797	253.731.573.532	10.010.312.373	381.903.576.702
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	42.524.640.219	91.318.677.580	3.602.562.973	137.445.880.772
- Tài sản không phân bổ				25.767.779.681
Tổng tài sản	160.686.331.016	345.050.251.112	13.612.875.346	545.117.237.155
- Nợ phải trả trực tiếp bộ phận	111.009.149.397	238.371.993.333	9.404.370.013	358.785.512.743
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	15.113.547.943	32.455.282.505	1.280.375.517	48.849.205.965
- Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	126.122.697.340	270.827.275.838	10.684.745.530	407.634.718.708

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây lắp điện
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác

	Hoạt động xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	41.271.850.228	171.743.298.482	43.365.444.498	256.380.593.208
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	82.524.413.813	343.406.340.041	86.710.624.001	512.641.377.854
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	430.835.267	1792821726	452.690.217	2.676.347.210
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	387.268.586.861	64.508.629.216	11.285.961.430	463.063.177.507
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	455.891.965.418	75.939.455.865	13.285.815.872	545.117.237.155
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	6.307.530.927	1.050.666.611	183.817.002	7.542.014.541

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.559.654.042	-	22.073.139.576	3.559.654.042	22.073.139.576
Phải thu khách hàng và phải thu khác	187.111.422.129	(9.707.387.751)	164.988.833.052	177.404.034.378	155.281.445.301
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-
Cộng	190.671.076.171	(9.707.387.751)	187.061.972.628	180.963.688.420	177.354.584.877

Giá trị sổ sách

Số cuối kỳ	Số đầu năm	Giá trị hợp lý	Số đầu năm
78.268.238.801	157.635.468.671	78.268.238.801	157.635.468.671
148.959.482.686	140.103.979.788	148.959.482.686	140.103.979.788
260.630.224	280.871.198	260.630.224	280.871.198
52.240.336.888	11.594.572.838	52.240.336.888	11.594.572.838
279.728.688.599	309.614.892.495	279.728.688.599	309.614.892.495

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán
 Vay và nợ
 Chi phí phải trả
 Các khoản phải trả khác
Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	78.268.238.801	-	-	78.268.238.801
Vay và nợ	147.529.733.925	1.429.748.761	-	148.959.482.686
Chi phí phải trả	260.630.224	-	-	260.630.224
Các khoản phải trả khác	47.645.119.494	4.595.217.394	-	52.240.336.888
Cộng	<u>273.703.722.444</u>	<u>6.024.966.155</u>	-	<u>279.728.688.599</u>
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	157.635.468.671	-	-	157.635.468.671
Vay và nợ	138.240.422.009	1.863.557.779	-	140.103.979.788
Chi phí phải trả	280.871.198	-	-	280.871.198
Các khoản phải trả khác	6.999.355.444	4.595.217.394	-	11.594.572.838
Cộng	<u>303.156.117.322</u>	<u>6.458.775.173</u>	-	<u>309.614.892.495</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Tuấn Trang

Trương Thị Thu Hiền

Bùi Hoàng Tuấn